

UBND HUYỆN GIA LỘC
TRƯỜNG TIỂU HỌC THỊ TRẦN GIA LỘC II

CÔNG KHAI TÀI CHÍNH

1. Công khai chi tiết tài chính năm 2025

***Nguồn ngân sách:**

ĐVT: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
A	Tổng số thu, chi, tiền học phí	0
I	Dự toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	-
1	Số thu phí, lệ phí	-
a	Học phí	
b	Thu từ cấp bù học phí	
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	-
2.1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	-
a	Chi lương	-
b	Chi hoạt động	-
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	9.882.300.000
I	Nguồn ngân sách trong nước	9.882.300.000
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	9.882.300.000
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	9.882.300.000
3.1.1	Quỹ tiền lương	9.352.021.000
3.1.2	Chi hoạt động	530.279.000
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3.2.1	Kinh phí sửa chữa, bảo dưỡng, mua sắm bổ sung cơ sở vật chất	
3.2.2	Chi phí học tập	0
3.2.3	Học sinh khuyết tật	0
3.2.4	Giáo viên dạy học sinh khuyết tật	0
3.2.5	Chế độ của ND 76/2019/ND-CP	0
3.2.6	Kinh phí cải cách tiền lương	0
3.2.7	Các chế độ khác	0
3.2.8	Chi khác	0

2. Công khai chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội năm học 2024-2025

Nội dung	Số học sinh	Số tiền	Ghi chú
Đối tượng được hỗ trợ chi phí học tập: Theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ; Nghị quyết số 75/2021/NQ-HĐND			
Học kỳ 1 năm học 2024-2025	8	4.800.000	
Học kỳ 2 năm học 2024-2025	10	7.500.000	
Đối tượng được hỗ trợ học bổng và phương tiện đồ dùng dạy học: Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐTBLĐTBXH			
Hỗ trợ học bổng			
Hỗ trợ phương tiện, đồ dùng học tập			

3. Công khai các khoản thu năm học 2024-2025

3.1 Các khoản thu theo quy định

* Tiền BHYT

- Tổng Thu: 823.782.960 đồng
- Chuyển nộp cơ quan BHXH huyện Gia Lộc: 823.782.960 đồng

* Tiền trông xe đạp

- Tổng thu: 17.490.000 đồng
- Tổng chi: 17.490.000 đồng
- + Chi nộp thuế TNDN; thuế GTGT 10%: 1.749.000 đồng
- + Chi trả tiền công trông xe và sửa chữa nhỏ: 15.741.000 đồng

* Tiền vệ sinh môi trường

- Tổng thu: 158.385.000 đồng
- Tổng chi: 158.385.000 đồng
- + Tiền thuê lao công dọn vệ sinh, quét lớp: 83.500.000 đồng
- + Mua dụng cụ vệ sinh: 10.050.000 đồng
- + Tiền mua chất tẩy rửa: 16.250.000 đồng

- + Tiền mua giấy vệ sinh, men xử lý bể phốt: 21.936.000 đồng
- + Tiền công cắt tỉa cây cảnh, cắt cỏ khuôn viên trường, phân bón: 8.100.000 đồng
- + Tiền thu gom, xử lý rác thải (HTX thu gom, xử lý rác thải TTGL): 18.549.000 đồng

*** Tiền nước uống tinh khiết đóng bình**

- Tổng thu: 61.621.000 đồng
- Tổng chi (chuyên trả đơn vị cung cấp nước): 61.621.000 đồng

*** Tiền số liên lạc điện tử**

- Tổng thu: 87.210.000 đồng
- Tổng chi: 87.210.000 đồng
- + 80% chuyển trả đơn vị cung ứng: 69.768.000 đồng
- + 10% chi giáo viên chủ nhiệm: 8.721.000 đồng
- + 8% chi công tác quản lý: 6.976.800 đồng
- + 2% chi công tác hỗ trợ CNTT: 1.744.200 đồng

3.2. Các khoản thu theo thỏa thuận

*** Tiền học 2 buổi/ngày**

- Tổng thu : 1.354.905.000 đồng
- Tổng chi: 1.354.905.000 đồng
- + Nộp thuế TNDN 2% : 27.098.100 đồng
- + 80% (sau thuế) chi trả GV trực tiếp dạy: 1.062.245.520 đồng
- + 15% (sau thuế) chi trả công tác quản lý, các hoạt động: 199.171.035 đồng
- + 5% (sau thuế) sửa chữa, mua sắm CSVC phục vụ học tập: 66.390.345 đồng

*** Tiền học kỹ năng sống lớp 1,2,3,4,5**

- Tổng thu: 207.360.000 đồng
- Tổng chi: 207.360.000 đồng
- + 80% chuyển trả đơn vị hợp đồng liên kết dạy: 165.888.000 đồng
- + 15% chi trả công tác quản lý, các hoạt động: 31.104.000 đồng
- + 5% sửa chữa, mua sắm CSVC phục vụ học tập: 10.368.000 đồng

*** Tiền học Tiếng Anh với GV nước ngoài lớp 1,2,3,4,5:**

- Tổng thu: 272.880.000 đồng
- Tổng chi: 272.880.000 đồng
- + 80% chuyển trả đơn vị hợp đồng liên kết dạy : 218.304.000 đồng
- + 15% chi trả tư vấn đầu thầu, GV trợ giảng, công tác quản lý, các hoạt động: 40.932.000 đồng

+ 5% sửa chữa, mua sắm CSVC phục vụ học tập: 13.644.000 đồng

*** Tiền ăn của HS bán trú**

- Tổng thu: 2.426.330.000 đồng

- Tổng chi: 2.426.330.000 đồng (chuyển trả đơn vị cung cấp thực phẩm)

*** Tiền công phục vụ, chăm sóc và phụ phí bán trú**

- Tổng thu: 1.218.663.000 đồng

- Tổng chi: 1.218.663.000 đồng

+ Trả tiền công cấp dưỡng, trông trưa, quản lý, bảo vệ an ninh, thuê xe vận chuyển cơm sang khu B: 897.338.751 đồng

+ Trả tiền gas, giặt chăn, mua nước lau sàn nhà, nước rửa tay, tẩy rửa vệ sinh,...: 276.513.000 đồng

+ Trả tiền điện, tiền nước sạch : 44.811.249 đồng

*** Tiền mua sắm CSVC bán trú ban đầu**

- Tổng thu: 22.800.000 đồng

- Tổng chi : 22.800.000 đồng (mua gói, chăn, khăn mặt, dụng cụ bếp ăn)

3.3 Các khoản thu hộ

- Tiền bảo hiểm thân thể HS

+ Tổng Thu : 192.200.000 đồng

+ Chuyển nộp cho Công ty Bảo hiểm PJICO Hải Dương: 192.200.000 đồng

3.4. Tiền vận động tài trợ

- Tổng số tiền đã tiếp nhận tài trợ: 152.401.000 đồng

- Tổng chi: 171.843.042 đồng

+ Mua thiết bị điện, nước: 25.922.800 đồng

+ Làm nhà kho lợp mái tôn khu A: 12.000.000 đồng

+ Làm mái tôn lồi đi ra nhà vệ sinh khu B: 12.000.000 đồng

+ Mua 2 cây xà cừ: 8.560.000 đồng

+ Căng lại bạt 21 chiếc ô: 6.468.000 đồng

+ Sửa bàn ghế học sinh, tủ, lắp ray ti vi phòng chức năng: 10.432.000 đồng

+ Bảo dưỡng điều hòa, quạt các lớp: 11.000.000 đồng

+ Mua bộ loa, micro: 9.350.000đồng

+ Sửa nền lớp học: 3.600.000 đồng

+ Làm một số bảng biểu ngoài trời, biển cổng trường khu B: 18.184.500 đồng

+ Làm phong sơn khẩu khu A: 36.740.042 đồng

+ Cắt tỉa cành cây trước bão số 3: 3.700.000 đồng

- + Cắt cành cây, thuê xe chở cành cây sau bão số 3: 4.200.000 đồng
- + Sửa bảng biểu khu thư viện xanh: 3.200.000 đồng
- + Sửa thiết bị máy tính: 6.485.700 đồng

- Nợ: 19.442.042 đồng

4. Công khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân năm 2024

STT	Nội dung	ĐVT	Số người/Số tiền
I	Tổng số lao động tại đơn vị	Người	49
II	Tổng thu nhập chịu thuế trả cho cá nhân	Đồng	
III	Các khoản giảm trừ		
	Số lượng NPT tính giảm trừ		
1	Tổng số tiền giảm trừ gia cảnh		
2	Từ thiện, nhân đạo, khuyến học		
3	Bảo hiểm được trừ		
4	Bảo hiểm được trừ		
V	Thu nhập tính thuế		

4. Công khai dự toán thu chi 6 tháng đầu năm 2025

S T T	Nội dung	Dự toán thu năm 2025	Dự toán thực hiện 6 tháng đầu năm 2025	Dự toán thực hiện 6 tháng cuối năm 2025
1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	9.882.300.000	4.983.548.491	4.898.751.509
	Tiền lương	5.169.508.000	2.525.538.500	2.643.969.500
	Lương hợp đồng theo chế độ	72.864.000	24.773.400	48.090.600
	Phụ cấp lương	2.712.470.000	1.334.808.300	1.377.661.700
	Các khoản đóng góp	1.391.579.000	699.460.200	692.118.800
	Học bổng và hỗ trợ khác cho học sinh, sinh viên, cán bộ đi học, thu nhập thấp	5.600.000	4.200.000	1.400.000
	Chi trực Tết Nguyên đán	24.500.000	24.500.000	0

	Tiền thưởng	0	0	
	Phúc lợi tập thể			
	Thanh toán dịch vụ công cộng	97.429.000	53.984.900	43.444.100
	Văn phòng phẩm, học phẩm	47.000.000	18.077.830	28.922.170
	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	13.200.000	8.653.100	4.546.900
	Chi phí thuê mướn	86.000.000	44.000.000	42.000.000
	Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn			
	Sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn và duy tu, bảo dưỡng các công trình cơ sở hạ tầng từ kinh phí thường xuyên	53.950.000	47.850.000	6.100.000
	Chi phí mua sắm, hàng hóa phục vụ công tác chuyên môn	153.200.000	142.702.261	10.497.739
	Mua tài sản vô hình			
	Chi vệ sinh môi trường	55.000.000	55.000.000	0
2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0		

Thị trấn Gia Lộc, ngày 26 tháng 6 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



Vũ Thị Hà Thanh